

MÔN HỌC

THÀNH TỐÁN QUỐC TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA NGÂN HÀNG

279 Nguyễn Tri Phương, phường 05, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Telephone: +84.8.8551776, +84.8.8530561 – Fascimile: +84.8.8551777

Email: bankingfaculty@ueh.edu.vn - Website: <http://www.fob.ueh.edu.vn/>

Bài giảng môn học

THANH TOÁN QUỐC TẾ

Người trình bày: PGS. TS. Trần Hoàng Ngân

ngankdtt@yahoo.com, ngannh@ueh.edu.vn,

- Môn học Thanh toán quốc tế là môn học mang tính tác nghiệp rất cao, là môn học nghiệp vụ chính của sinh viên chuyên ngành **Ngân hàng và Ngoại thương**, là môn bổ trợ cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế khác.
- Môn học TTQT giúp sinh viên tìm hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực: tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ (Spot, Arbitrage, Forward, Swap, Options, Futures Market), các phương tiện thanh toán quốc tế (Bill of exchange, Cheque, Payment Card), các phương thức thanh toán quốc tế (**T/T, D/P, D/A, CAD, D/C, L/C**).
- Sinh viên có thể thực hiện các kỹ thuật nghiệp vụ của một nhân viên phòng kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, thanh toán viên của phòng thanh toán quốc tế, dealer của phòng kinh doanh ngoại tệ...

Tài liệu tham khảo: Thanh toán quốc tế-
năm 2003.

Chủ biên: PGS.TS -Trần Hoàng Ngân

Mục lục:

- Chương một: Hối đoái
- Chương hai: Phương tiện thanh toán quốc tế
- Chương ba: Phương thức thanh toán quốc tế

Chương một

HỒI ĐOÀI

I.TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (Foreign Exchange Rate - FX)

1. Khái niệm:

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này được thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác.

Ví dụ: Ngày 19/09/2005, trên thị trường hối đoái quốc tế ta có thông tin:

1USD = 111.50 JPY (Japanese Yen)

1GBP = 1.8005 USD (United States dollars)

1USD= 1.2780 CHF (Confederation Helvetique Franc), 1 AUD = 0.7625 USD

GBP (Great Britain Pound)

2. Phương pháp biểu thị tỷ giá (Yết giá - quotation):

1 đồng tiền yết giá = x đồng tiền định giá

(Commodity terms-yết giá)-(currency terms-đồng tiền định giá)

- Phương pháp biểu thị thứ nhất (Direct quotation-Price quotation-trực tiếp)

1 ngoại tệ = x nội tệ

Phương pháp yết giá này được áp dụng ở nhiều quốc gia: Nhật, Thái Lan, Hàn Quốc, Việt Nam...

- **Phương pháp biểu thị thứ hai (Indirect quotation-Volume quotation-gián tiếp)**

$$1 \text{ nội tệ} = y \text{ ngoại tệ}$$

Phương pháp yết giá này áp dụng ở một số nước: Anh, Mỹ, Úc, EU...

3. Một số quy ước trong giao dịch hối đoái

- Ký hiệu tiền tệ: **XXX**
quốc tế:
Đồng Việt Nam (**VND**), Đô la Mỹ (**USD**), Bảng Anh (**GBP**), Yên Nhật (**JPY**), Bạt Thái Lan (**THB**)...

Tham khảo Web site:

www.exchangerate.com,

www.yahoo.com/finance,

www.forexdirectory.net,

www.saxobank.com,

www.forex.com,

www.forexnews.com,

www.forexpoint.com,

www.info-forex.com,

xem phụ lục 1 trang 21.

- **Cách viết tỷ giá :**

$$1 A = x B \text{ hoặc } A/B = x$$

**Tỷ giá 1USD = 110 JPY ta có thể viết
USD/JPY = 110 hoặc là 110 JPY/USD.**

$$A/B = 1/B/A$$

$$1\text{EUR}=1.2140 \text{ USD}$$

$$\text{USD/EUR} = 1/\text{EUR/USD} = 0.8237$$

- **Phương pháp đọc tỷ giá (Ngôn ngữ trong giao dịch hối đoái quốc tế)**

Vì những lý do nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm, các tỷ giá không bao giờ được đọc đầy đủ trên thị trường, mà người ta thường đọc những con số có ý nghĩa.

Các con số đằng sau dấu phẩy được đọc theo nhóm hai số. Hai số thập phân đầu tiên được gọi là “số” (figure), hai số kế tiếp gọi là “điểm” (point). Trong ví dụ đó thì số là 40, điểm là 60.

Như vậy, ta thấy tỷ giá mua và tỷ giá bán có khoảng chênh lệch (tiếng Anh gọi là: Spread), thông thường vào khoảng 5 đến 20 điểm.

Tỷ giá

	BID		ASK
<u>USD/CHF</u>	1.2650	---	1.2660
	MUA USD		BÁN USD
	BÁN CHF		MUA CHF

Lưu ý:

- số nhỏ là giá mua đồng tiền yết giá (USD) và là giá bán đồng tiền định giá (CHF).
- số lớn là giá bán đồng tiền yết giá (USD) và là giá mua đồng tiền định giá (CHF).

4. Cơ sở xác định tỷ giá hối đoái :

a. Trong chế độ bản vị vàng :

Ví dụ:

+ Đầu thế kỷ 20:

1 **GBP** có hàm lượng vàng là **7,32g** vàng (năm 1821)

1 **USD** có hàm lượng vàng là **1,50463g** vàng (năm 1879)

1 **FRF** có hàm lượng vàng là **0,32258g** vàng (năm 1803)

Dựa vào nguyên lý đồng giá vàng, ngang giá vàng thì tỷ giá giữa **GBP** và **USD** được xác định là :

$$1 \text{ GBP} = 7,32/1,50463 = 4,8650 \text{ USD}$$

$$\rightarrow \text{GBP/USD} = 4.8650$$

$$1 \text{ USD} = 1,50463/0,32258 = 4,6644 \text{ FRF}$$

$$\rightarrow \text{USD/FRF} = 4.6644$$

b. Hệ thống tỷ giá Bretton Woods:

❖ Hội nghị Bretton Woods :

Do ảnh hưởng của chiến tranh thế giới lần thứ hai 1939-1945, tình hình tài chính tiền tệ của các nước TBCN hỗn loạn . Vì vậy có thể vạch ra một trật tự kinh tế quốc tế mới phù hợp với điều kiện hiện tại, các nước Mỹ , Anh và một số nước đồng minh của họ đã họp tại **Bretton Woods , New Hampshire** (cách Boston 150 km). Hội nghị kéo dài từ ngày 1/7/1944 đến ngày 20/7/1944 dưới sự lãnh đạo của **J.M Keynes** và H.D White, 44 quốc gia tham dự hội nghị đã đi đến thỏa thuận :

- Thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế **IMF - International Monetary Fund-** (Website: www.imf.org)
- Ngân hàng thế giới **WB - The World Bank Group** (Website: www.worldbank.org)
 - Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (**IBRD**)
The International Bank for Reconstruction and Development
 - Hiệp hội Phát Triển Quốc tế (**IDA**)
The International Development Association
 - Công ty Tài chính Quốc tế (**IFC**)
The International Finance Corporation
 - Công ty Đảm lãnh Đầu tư Đa biên (**MIGA**)
The Multilateral Investment Guarantee Agency
 - Trung Tâm Hoà Giải Tranh Chấp Đầu Tư Quốc tế (**ICSID**)
The International Centre for Settlement of Investment Disputes

•Hình thành hệ thống tỷ giá hối đoái Bretton Woods (**The gold exchange standard**)

1946-1973 :

Tỷ giá hối đoái chính thức của các nước được hình thành trên cơ sở so sánh với hàm lượng vàng chính thức của đôla Mỹ (0,888671g-35**USD**/ ounce) và không được phép biến động quá phạm vi $\pm x\%$ (lúc bấy giờ là 1%) của tỷ giá chính thức đã đăng ký tại IMF. Năm 1971 (15/08/1971 tổng thống Mỹ Nixon tuyên bố phá giá USD, $x=2.25\%$), năm 1973 IMF chính thức huỷ bỏ cơ chế tỷ giá Bretton Woods.

c. Trong chế độ tiền tệ ngày nay (từ năm 1973):

- Tỷ giá cố định (**Fixed Exchange rate**): là tỷ giá không biến động thường xuyên, không phụ thuộc vào quy luật cung cầu, phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chính phủ, (103 nước) 1998 Malaysia thực hiện cơ chế tỷ giá cố định cho đồng ringgit (**MYR**)-21/07/05 thả nổi.
- Tỷ giá thả nổi tự do và tỷ giá thả nổi có quản lý- tỷ giá linh hoạt (**Flexible exchange Rate Regimes**):
 - Tỷ giá thả nổi tự do (**Freely Floating Exchange rate**):
Tỷ giá thả nổi tự do là cơ chế tỷ giá mà theo đó giá cả ngoại tệ sẽ do cung cầu quyết định và không có sự can thiệp của chính phủ (hoặc can thiệp thông qua các công cụ tài chính tiền tệ). (40 nước)

– Tỷ giá thả nổi có quản lý (Managed Float exchange rate) Là tỷ giá thả nổi nhưng có sự can thiệp của chính phủ.

Chính phủ ((NHTW) sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ hoặc công cụ hành chính để tác động lên tỷ giá hối đoái phục vụ cho chiến lược chung của nước mình (43 nước).

Vào lúc 19h ngày 21/07/2005 sau 11 năm gần như cố định tỷ giá 1USD= 8.28CNY, Trung Quốc đã quyết định nâng giá CNY 2.10%, 1USD= 8.11CNY, TQ có dự trữ ngoại tệ thứ nhì thế giới 711 tỷ USD (cuối tháng 6/2005), tốc độ tăng GDP bình quân trong 10 năm qua +8.6%.

CNY ra đời từ tháng 12/1948, giai đoạn 1953-1972 tỷ giá 2.42CNY/USD, 1996-2005 tỷ giá 8.28 CNY/USD

- **Tỷ giá thả nổi tập thể:**

Nổi bật nhất là hệ thống tiền tệ Châu Âu (EMS-European Monetary System 1978). Ngày 09/05/1978 Nghị viện Châu Âu phê chuẩn danh sách 11 nước đủ tiêu chuẩn gia nhập EU – 11: Đức , Pháp , Ailen , Áo , Bỉ , Bồ Đào Nha , Hà Lan , Ý , Luxembua , Phần Lan , Tây Ban Nha (và vào ngày 01/01/2001 có cả Hy Lạp – EU – 12) . Ngày 01/01/1999 EURO chính thức ra đời với đầy đủ tư cách của một đồng tiền thực, chung và duy nhất cho cả khối EU – 12

- **Cơ chế tỷ giá hối đoái của Việt Nam:**

(tham khảo sách Thanh toán quốc tế trang 18-21)

1955 1CNY =1470 VND, 1985 1USD=18VND,1988 1USD=3000VND, 2005 1USD= 15780VND)

Cách phân loại cơ chế tỷ giá

* Neo đậu cứng (**Hard pegs**):

- Cơ chế tỷ giá phi bản tệ
- Cơ chế uỷ ban tiền tệ

* Neo đậu mềm (**Soft pegs**)

- Tỷ giá cố định truyền thống ($\pm 1\%$)
- Tỷ giá neo với biên độ ngang $> 1\%$
- Neo trượt bò

* Thả nổi (**Floating**): managed floating,
Independent floating

5. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái:

- Lạm phát → tỷ giá hối đoái
- Cán cân thanh toán quốc tế → tỷ giá hối đoái
- Một số nhân tố khác như : Sự điều chỉnh các chính sách tài chính tiền tệ - lãi suất, các sự kiện kinh tế, xã hội, chiến tranh, thiên tai, sự biến động của các chỉ số thống kê về việc làm - thất nghiệp - tăng trưởng kinh tế (GDP- Gross domestic product- TSP trong nước)...

a. Liên quan giữa tỷ giá hối đoái với tỷ lệ lạm phát

-Lạm phát là gì?

Lạm phát là sự suy giảm sức mua của tiền tệ và được đo lường bằng chỉ số giá cả chung ngày càng tăng lên.

Năm 2002, chỉ số giá tiêu dùng VN (CPI-Consumer price index) tăng 4 % so với cuối năm 2001. Năm 1998 là 9.2%, năm 1999 là 0.1%, năm 2000 là -0.6%, năm 2001 là 0.8%, năm 2003 là 3%, 9.5% năm 2004.

Tỷ lệ lạm phát trong năm tại Mỹ là 2.7%, Nhật -0.1%, EU 2.1%, châu Á là 3%.

❖ Lý thuyết đồng giá sức mua (Ricardo – Cassel)

3P (**Purchasing Power Parity-Ricardo -1772-1823**).

Với giả thiết trong một nền kinh tế cạnh tranh lành mạnh, tức là trong đó cước phí vận chuyển, thuế hải quan được giả định bằng không. Do đó nếu các hàng hoá đều đồng nhất thì người tiêu dùng sẽ mua hàng ở nước nào mà giá thật sự thấp. Cũng theo giả thiết đó, một kiện hàng X ở Canada giá 150 CAD và cũng kiện hàng X đó ở Mỹ giá 100 USD thì tỷ giá hối đoái sẽ chuyển đến mức là :

$$\frac{\text{USD } 150}{\text{CAD } 100} = \frac{\text{Giá cả hàng hóa X tại Canada}}{\text{Giá cả hàng hóa X tại Mỹ}} = 1.50$$

$$T_{ck} = T_{đk} \frac{(1 + LP_b)}{(1 + LP_a)}$$

$$\frac{T_{ck} - T_{đk}}{T_{đk}} = \frac{LP_b - LP_a}{1 + LP_a}$$

$$\pm \%TG = \pm \%LP$$

- . a là đồng tiền yết giá
- . b là đồng tiền định giá
- . $T_{đk}$ là tỷ giá đầu kỳ
- . T_{ck} là tỷ giá cuối kỳ
- . LP_a là lạm phát tại quốc gia đồng tiền a
- . LP_b là lạm phát tại quốc gia đồng tiền b

b. Tình hình dư thừa hay thiếu hụt của cán cân thanh toán :

Nếu cán cân thanh toán thường xuyên thâm hụt ($\text{chi} > \text{thu}$), thì dự trữ ngoại tệ của quốc gia sẽ giảm, tình hình ngoại tệ căng thẳng, từ đó tạo ra nhu cầu ngoại tệ tăng lên, giá ngoại tệ tăng. Nếu cán cân thanh toán thặng dư, ($\text{thu} > \text{chi}$), dự trữ ngoại tệ tăng, cung ngoại tệ trên thị trường tăng, giá ngoại tệ có khuynh hướng giảm .(12-19/09/04 thông tin Reuter cho biết cán cân vãng lai của Mỹ thâm hụt trên 166.18 tỷ USD trong quý 2 > dự kiến 155 ty USD...>> giá USD giảm mạnh trên thị trường thế giới

Cán cân thanh toán quốc tế VN

- Cán cân tổng thể năm 2003 thặng dư 2.151 triệu USD, năm 2004 là +883 triệu USD, chủ yếu là do cán cân vốn.
- Cán cân vãng lai năm 2003 thâm hụt -1.931 triệu USD, năm 2004 thâm hụt - 925 triệu USD (=2.02%GDP).
- Cán cân vốn năm 2003 thặng dư 1.450 triệu USD, năm 2004 thặng dư 2.753 triệu USD, chủ yếu là do giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài là 1610 triệu USD và vay nợ trung và dài hạn..

c. Một số nhân tố khác như : Sự điều chỉnh các chính sách tài chính tiền tệ , các sự kiện kinh tế , xã hội, chiến tranh , thiên tai , sự biến động của các chỉ số thốn g kê về việc làm- thất nghiệp- tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt là các chỉ số và các sự kiện tại Mỹ sẽ ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái trên thị trường thế giới. Cụ thể là các nhân tố :

- Chỉ số thất nghiệp tăng , giảm trong tháng .
- Chỉ số bán lẻ
- Việc tăng lãi suất hay giảm lãi suất của Ngân hàng trung ương và những dự báo của thị trường về lãi suất, tỷ giá .
- Kết quả các hội nghị G7, EU, Asean ...
- Sản lượng công nghiệp, GDP, GNI...

Tóm lại : Khi tỷ giá được thả nổi thì nó rất nhạy cảm với những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, chiến tranh kể cả các yếu tố tâm lí...

6. Các loại tỷ giá hối đoái:

a. Tỷ giá chính thức :

b. Tỷ giá kinh doanh của Ngân hàng thương mại:

- Tỷ giá mua bán ngoại tệ mặt
- Tỷ giá ngoại tệ chuyển khoản

Σ giá vốn hàng VN trên sàn tàu

c. Tỷ giá xuất khẩu= _____

Ngoại tệ thu được theo
giá FOB tại cảng VN

Σ giá bán hàng nhập tại
cảng VN

d. Tỷ giá nhập khẩu= _____

Ngoại tệ chi trả theo giá
CIF tại cảng VN

e. Tỷ giá đóng cửa, mở cửa, cao nhất, thấp nhất

d. Tỷ giá tính chéo

f. Tỷ giá danh nghĩa, tỷ giá thực

Incoterms 2000-ICC No 620

- **EXW-Ex Works-Giao tại xưởng**
- **FCA- Free Carrier-Giao cho người chuyên chở**
- **FAS-Free Alongside Ship-Giao hàng dọc mạn tàu**
- **FOB-Free on Board- giao lên tàu**
- **CFR-Cost and freight-Tiền hàng và cước phí**
- **CIF-Cost, Insurance and Freight-tiền hàng-bảo hiểm và cước phí**
- **CPT-Carriage Paid to-cước phí trả tới**
- **CIP-Carriage and Insurance Paid to-Cước phí và bảo hiểm trả tới.**
- **DAF-Delivered at Frontier-Giao tại biên giới**
- **DES- Delivered Ex Ship-Giao tại tàu**
- **DEQ-Delivered Ex Quay-Giao tại cầu tàu**
- **DDU- Delivered Duty Unpaid- Giao hàng chưa nộp thuế**
- **DDP-Delivered Duty Paid- Giao hàng đã nộp thuế**

II. THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI (Le Marché des changes, Foreign Exchange Market)

1. Khái niệm :

Thị trường hối đoái là nơi thực hiện việc mua bán các ngoại tệ và phương tiện chi trả có giá trị như ngoại tệ, và giá cả ngoại tệ được xác định trên cơ sở cung cầu.

2. Đặc điểm thị trường hối đoái: 4 đặc điểm lớn

- Thị trường hoạt động liên tục 24/24 bởi vì do sự chênh lệch múi giờ (trừ những ngày nghỉ cuối tuần).
- Thị trường mang tính quốc tế.
- Tỷ giá thị trường được xác định trên cơ sở cò xát của cung và cầu ngoại tệ trên thị trường quyết định.
- Những đồng tiền mạnh như USD, EUR, JPY, CHF, GBP, AUD... giữ vị trí quan trọng của thị trường, đặc biệt là đồng Đôla Mỹ (USD).

- Thị trường hối đoái phần lớn được mua bán qua thị trường **OTC** (Over The Counter), thị trường vô hình, mua bán qua điện thoại, telex, mạng vi tính...

Ngày 16/08/1991 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định số 107/NHQĐ về việc tổ chức và hoạt động của **Trung tâm giao dịch ngoại tệ** tại TP.HCM và Hà Nội. Ngày 29/09/1994 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 203/QĐ-NH ban hành quy chế “tổ chức và hoạt động của Thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng” (xem Phụ lục 2 trang 52).

3. Đối tượng tham gia thị trường hối đoái:

a. Các Ngân hàng thương mại (Commercial Banks)

Trong Dealing room thường bao gồm các nhóm sau:

- Bộ phận chuyên kinh doanh mua bán ngoại hối.
- Bộ phận gồm các nhà phân tích để dự đoán tỷ giá, tính toán tỷ giá.
- Bộ phận quản trị, kiểm soát.

b. Các nhà môi giới (Broker, Courtier)

c. Ngân hàng trung ương (Central Bank)

d. Các công ty kinh doanh (Corporate customers)

4. Phương thức giao dịch (Methods of trading)

Nhiều phương thức giao dịch được sử dụng như thực hiện các nghiệp vụ trên thị trường hối đoái:

- Điện thoại (telephone)
- Hệ thống xử lý điện tử (Electronic dealing systems)
- Điện tín (telex)
- SWIFT (Society for World-wide InterBank Financial Telecommunication) (trang 246)

III. CÁC NGHIỆP VỤ HỐI ĐOÁI

1. Nghiệp vụ Spot còn gọi là nghiệp vụ giao ngay: (Spot Operations)

Nghiệp vụ Spot là hoạt động mua bán ngoại tệ mà theo đó việc chuyển giao ngoại tệ được thực hiện ngay, theo tỷ giá đã được thỏa thuận.

2. Nghiệp vụ Ácbit (Arbitrage Operations)

Ácbit là một loại nghiệp vụ hối đoái nhằm sử dụng mức chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường hối đoái để thu lợi nhuận. Tức là mua ở nơi rẻ nhất và bán ở nơi mắc nhất.

Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Toronto: $\text{USD/CAD} = 1.2180 - 1.2186$
- Zurich: $\text{CAD/CHF} = 0.9840 - 0.9847$
- Newyork: $\text{USD/CHF} = 1.2050 - 1.2055$

Yêu cầu kinh doanh ác bít với 100 triệu
USD, 100 triệu CAD, 100 triệu CHF

Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Toronto: $\text{USD/CAD} = 1.1625 - 1.1629$
- Zurich: $\text{CAD/CHF} = 1.1120 - 1.1125$
- Newyork: $\text{USD/CHF} = 1.3042 - 1.3047$

Yêu cầu kinh doanh ác biệt với 100 triệu
USD, 100 triệu CAD, 100 triệu CHF

Tại thời điểm T ta có thông tin

- **Newyork: USD/CHF = 1.2046- 1.2053**
- **Zurich: AUD/CHF = 0.9280-0.9286**
- **Sydney: AUD/USD = 0.7685-0.7690**

Yêu cầu kinh doanh ác bít với 100 triệu
USD, 100 triệu AUD, 100 triệu CHF

Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Zurich: $\text{GBP/CHF} = 2.2540 - 2.2545$
- London: $\text{GBP/SGD} = 3.1243 - 3.1247$
- Singapore: $\text{CHF/SGD} = 1.3780 - 1.3785$

Yêu cầu thực hiện ác bít với 100 triệu
GBP, SGD, CHF?

Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Toronto: $\text{USD/CAD} = 1.1635 - 1.1639$
- Zurich: $\text{CAD/CHF} = 1.1122 - 1.1128$
- Newyork: $\text{USD/CHF} = 1.2947 - 1.2953$

Yêu cầu kinh doanh ác biệt với 100 triệu
USD, 100 triệu CAD, 100 triệu CHF

3. Nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn (Forward Operations)

Một giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn là một giao dịch mà trong đó mọi dữ kiện được định ra vào thời điểm hiện tại nhưng việc thực hiện sẽ diễn ra trong tương lai, theo tỷ giá thoả thuận trước có ghi trong hợp đồng.

Tỷ giá có kỳ hạn sẽ được xác định trên cơ sở tỷ giá giao ngay, thời hạn giao dịch và lãi suất của hai đồng tiền đó. Cụ thể nó được tính toán bằng công thức sau đây:(cg thức 1)

$$T_K = T_S \times \frac{1+KL_B}{1+KL_A}$$

Trong đó: A là đồng tiền yết giá, B là đồng tiền định giá.

T_K là tỷ giá có kỳ hạn của đồng tiền A so với đồng tiền B.

K là thời hạn thỏa thuận (ngày, tháng, năm).

L_A là lãi suất của đồng tiền A (ngày, tháng, năm).

L_B là lãi suất của đồng tiền B (ngày, tháng, năm).

T_S là tỷ giá giao ngay ($A/B = x$).

FORWARD RATE = SPOT RATE + SWAP COST

$$T_K = T_S + T_S \times K \times (L_B - L_A)$$

Khi $L_B > L_A \rightarrow T_K > T_S$, phần dôi ra được gọi là điểm gia tăng (Report, Premium).

Khi $L_B < L_A \rightarrow T_K < T_S$ chênh lệch được gọi là điểm khấu trừ (Deport, Discount).

$$L_B = L_A \rightarrow T_K = T_S$$

- VN, áp dụng theo [QD 648/NHNN](#) ngày 28/05/04

4. Nghiệp vụ Swap (cầm cố, hoán đổi)

Là nghiệp vụ hối đoái kép, gồm hai nghiệp vụ Spot và Forward. Hai nghiệp vụ này được tiến hành cùng một lúc, với cùng một lượng ngoại tệ nhưng theo hai hướng ngược nhau.

Lưu ý: trong giao dịch swap giữa 2 ngân hàng, nếu trong nghiệp vụ spot đã dùng tỷ giá nào thì khi tính tỷ giá fw, thì **Ts** trong công thức **Tk**, phải dùng lại tỷ giá đã tính trong nghiệp vụ spot.

5. Nghiệp vụ quyền chọn (options)

5.1 Call Option

a. Người (Quyền chọn mua) Buyer Call Option) – (Long Call)

Người mua call option phải trả cho người bán call một khoản chi phí và do đó người mua có được quyền mua, nhưng không bắt buộc phải mua một lượng ngoại tệ (hàng hoá, chứng khoán) nhất định, theo một tỷ giá đã định trước vào một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó.

b. Người bán quyền chọn mua (Seller Call option) – (Short call)

Người bán call option nhận được tiền từ người mua call nên phải có trách nhiệm bán một số ngoại tệ nhất định (hàng hoá, chứng khoán), theo một giá đã định trước tại một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó khi người mua muốn thực hiện quyền mua của nó.

American style- được thực hiện bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian của hợp đồng

European style- chỉ được thực hiện quyền chọn vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

5.2 Nghiệp vụ Put option (Quyền chọn bán)

a. Người mua quyền chọn bán (Buyer put option) – (Long put)

Người mua put option phải trả cho người bán put một khoản chi phí và do đó người mua có được quyền bán, nhưng không bắt buộc phải bán một lượng ngoại tệ (hàng hoá, chứng khoán) nhất định, theo một tỷ giá đã định trước vào một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó.

American style- được thực hiện bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian của hợp đồng

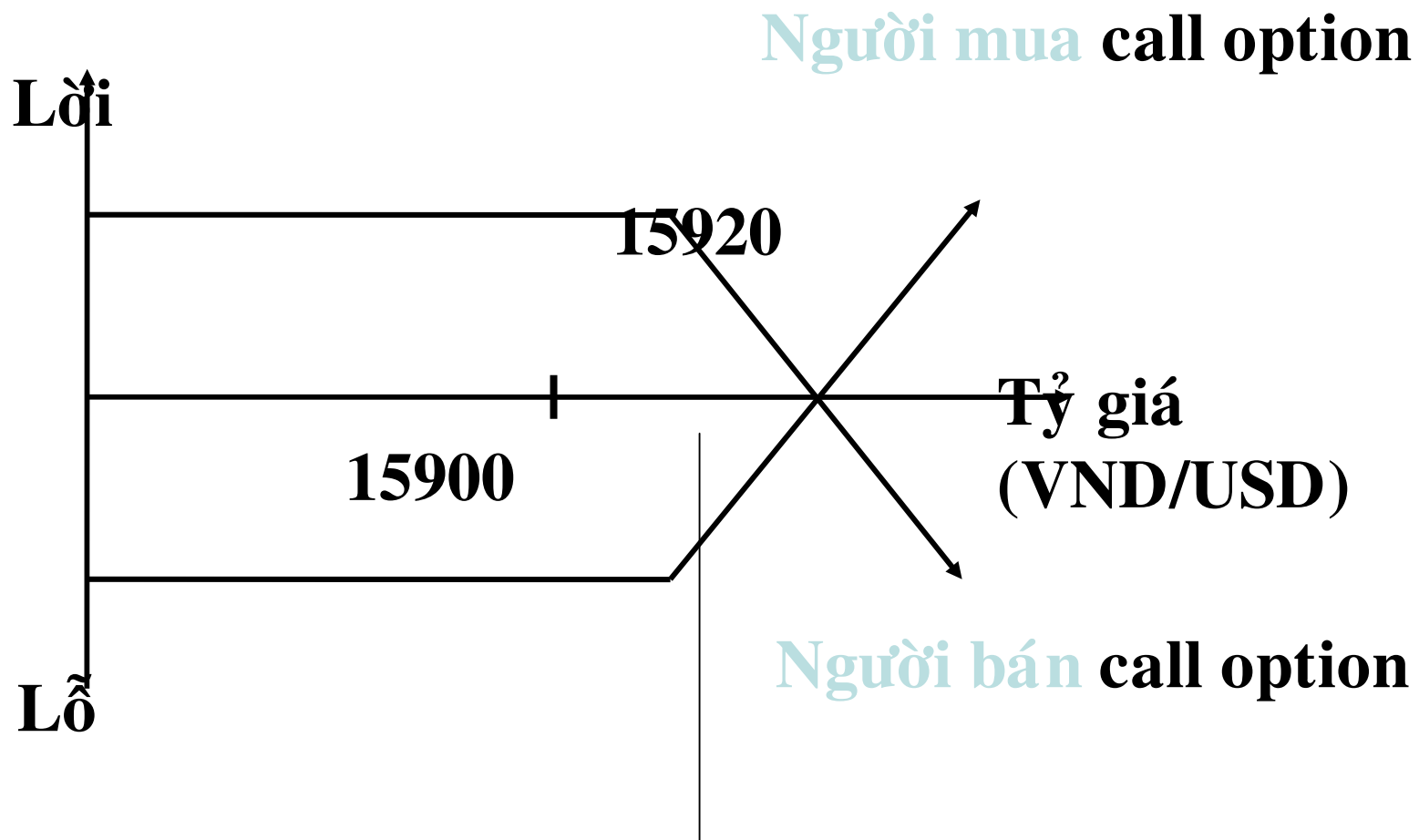
European style- chỉ được thực hiện quyền chọn vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

b. Người bán quyền chọn bán (Seller put option) – (Short put)

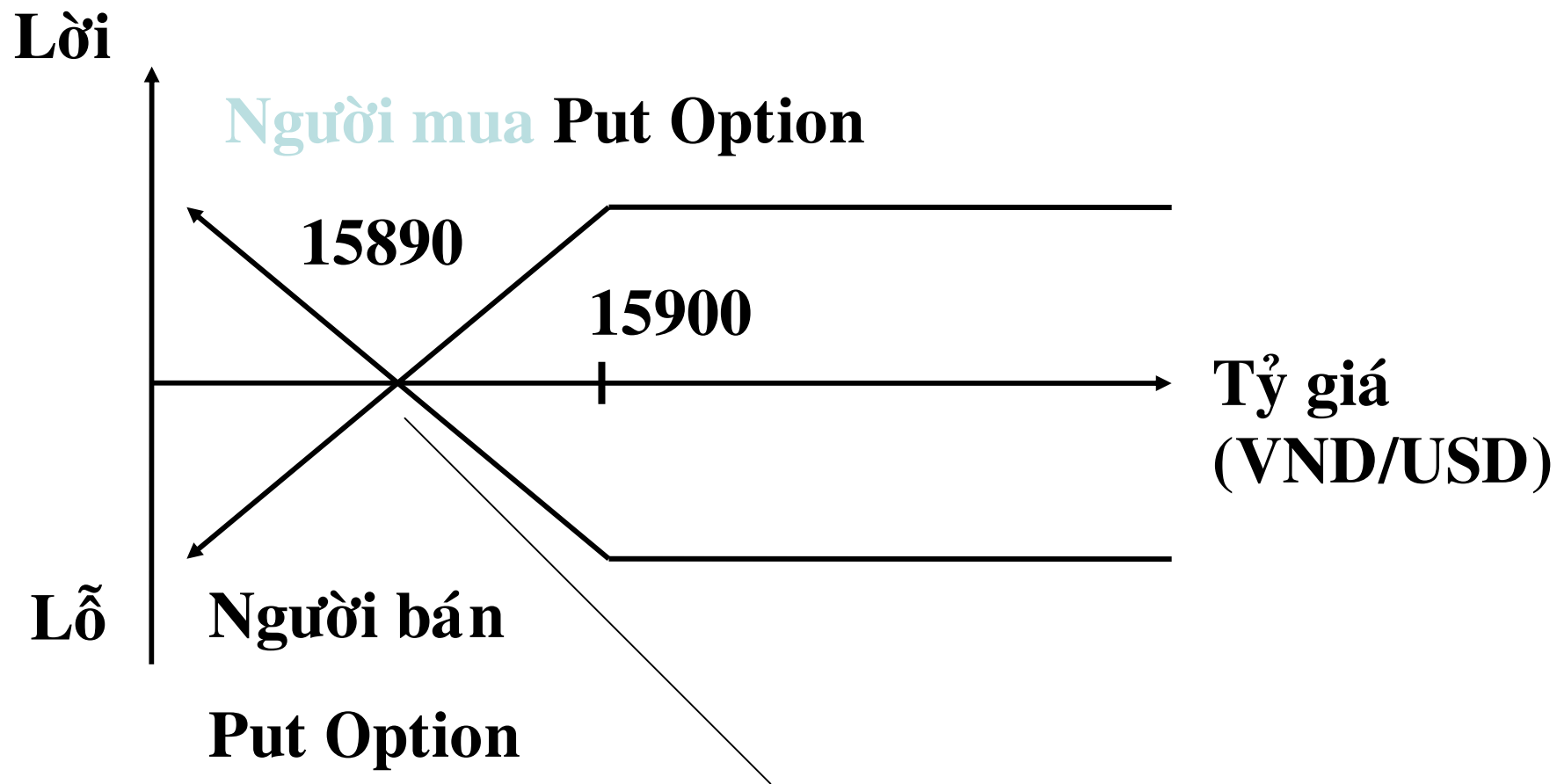
Người bán put option nhận được tiền từ người mua put nên phải có trách nhiệm mua một số ngoại tệ (hàng hoá, chứng khoán) nhất định, theo một giá đã định trước tại một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó khi người mua muốn thực hiện quyền bán của nó.

Giá option (premium) phụ thuộc vào nhiều nhân tố: tỷ giá giao ngay (Spot rate), tỷ giá thỏa thuận trên hợp đồng (Strike), thời hạn thỏa thuận (maturity), tỷ giá kỳ hạn (Forward rate), lãi suất của các đồng tiền giao dịch, phương sai...

Premium – the price of an option



Call Breakeven	=	Strike (exercise price)	+	Premium
15920	=	15900	+	20



Put Breakeven = Strike(exercise price) - Premium

15890 = 15900 - 10

IV. THỊ TRƯỜNG GIAO SAU (FUTURES MARKET)

Thị trường giao sau là nơi giao dịch mua bán các hợp đồng giao sau về hàng hóa, tiền tệ và các công cụ tài chính. Hợp đồng giao sau (Futures contract) là một sự thỏa thuận bán hoặc mua một tài sản (tiền, hàng hoặc chứng khoán) nhất định tại một thời điểm xác định trong tương lai và hợp đồng này được thực hiện tại sở giao dịch.

www.liffe.com, The London international financial futures and options exchange.

www.cme.com- Chicago mercantile exchange

Thị trường giao sau có một số đặc điểm sau đây:

- Được thực hiện tại quầy giao dịch mua bán của thị trường, **thông qua môi giới (Broker)**. Người mua và người bán không cần biết nhau.
- Phần lớn các hợp đồng giao sau thường được **kết thúc trước thời hạn**, trong khi hợp đồng có kỳ hạn (Forward) thì đa số các hợp đồng đều được thanh toán bằng việc giao hàng chính thức.
- Hợp đồng giao sau chỉ có **bốn ngày có giá trị** trong năm (4 value date per year): Ngày thứ tư tuần thứ ba, tháng ba, tháng sáu, tháng chín và tháng mười hai. The third Wednesday of March, June, September, december.
- Bên tương ứng (counterpart) không phải là Ngân hàng mà là **quầy giao dịch**.
- Những nhà đầu tư **phải ký quỹ** cho quầy giao dịch thị trường (margin) **5%** trị giá hợp đồng.

- Các khoản lời lỗ (loss or profit) được ghi nhận và phản ánh **hàng ngày** với clearing house (Phòng thanh toán bù trừ).
- Thị trường giao sau **quy định kích cỡ** cho một đơn vị hợp đồng (fixed amount per contract). 100.000 AUD, 100.000 CAD, 125.000 CHF, 62500 GBP, 1250.000 JPY (USD là đồng tiền định giá)

Hợp đồng	Kích cỡ	Cỡ tích	Giá trị của một tích
(Contract)	(Size)	(Tick size)	(Value of 1 tick)
GBP/USD	62.500 GBP	0,0001	6,25 USD
CHF/USD	125.000 CHF	0,0001	12,50 USD

Ví dụ: Nếu khách hàng có khoản giao dịch là 250.000 GBP (tức là 4 hợp đồng) và nếu tỷ giá giao động từ 1,7960 lên 1,7970 thì khoản chênh lệch bằng USD sẽ là:

- 250.000 GBP x 0,0010 USD/GBP = 250 USD.

- 62500GBP x4x 0,0010 USD/GBP = 250 USD.

Hoặc = 4 x10 x 6,25 = 250 USD.

Tại Việt Nam các hợp đồng Futures mới bắt đầu thông qua các [NHTM](#)

V. THỊ TRƯỜNG TIỀN GỬI NGOẠI TỆ:

1. Khái niệm:

Thị trường tiền gửi là nơi tiến hành các hoạt động vay và cho vay bằng ngoại tệ với những thời hạn xác định kèm theo một khoản tiền lãi thể hiện qua lãi suất. Thị trường ngoại tệ Châu Âu, Đôla Châu Âu.. với những lãi suất LiBor (London interbank offered rate), PiBor, NiBor, FiBor, SiBor, ZiBor, Tibor...

2. Các loại giao dịch trên thị trường tiền gửi:

a. **Giao dịch qua đêm: (J+1, Overnight, O/N)**

Tức là giao dịch mà ngày vay vốn là ngày hôm nay (ngày J), ngày trả nợ là ngày hôm sau (J+1).

b. **Giao dịch ngày mai (J+2, Tomorrow next, tomnext)**

Ký hiệu T/N. Tức ngày thỏa thuận là ngày hôm nay (ngày J), ngày giao vốn là ngày mai (J+1), ngày trả nợ là ngày (J+2).

c. **Giao dịch ngày kia (J+3, Spot next, S/N)**

Tức là ngày thỏa thuận là ngày hôm nay (ngày J), ngày giao vốn là ngày (J+2), ngày trả nợ là ngày mốt (J+2+1).

d. **Giao dịch cho kỳ hạn thứ n**

Là giao dịch mà ngày thỏa thuận là ngày hôm nay (ngày J), ngày giao vốn là ngày J+2, ngày trả nợ là ngày (J+2+n).

BÀI ĐỌC THAM KHẢO

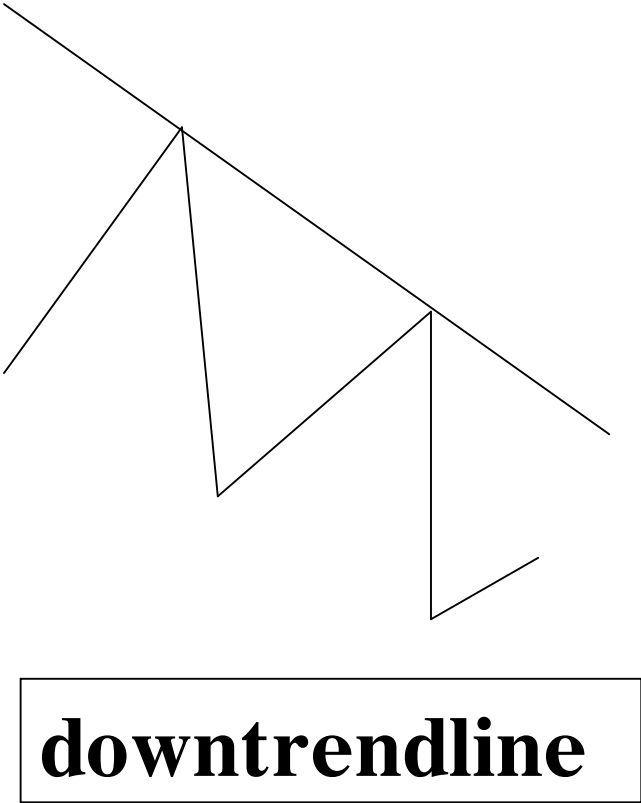
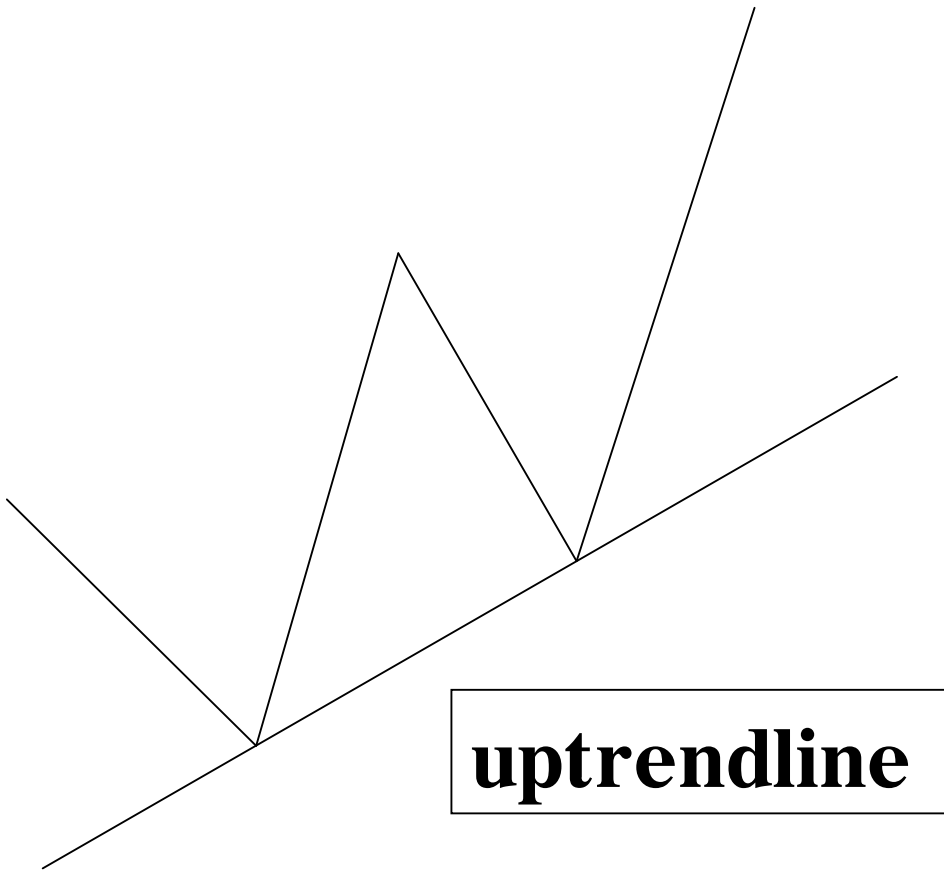
Phân tích kỹ thuật dùng trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái.(xem sách trang 46)



The diagram shows a line graph with four segments. The first segment rises from the bottom left to a peak. A rectangular box labeled 'resistance' is positioned to the left of this peak. The second segment falls from the peak to a trough. The third segment rises from the trough to a higher peak. A rectangular box labeled 'support' is positioned below this second peak. The fourth segment rises from the support level to the top right of the graph.

resistance

support

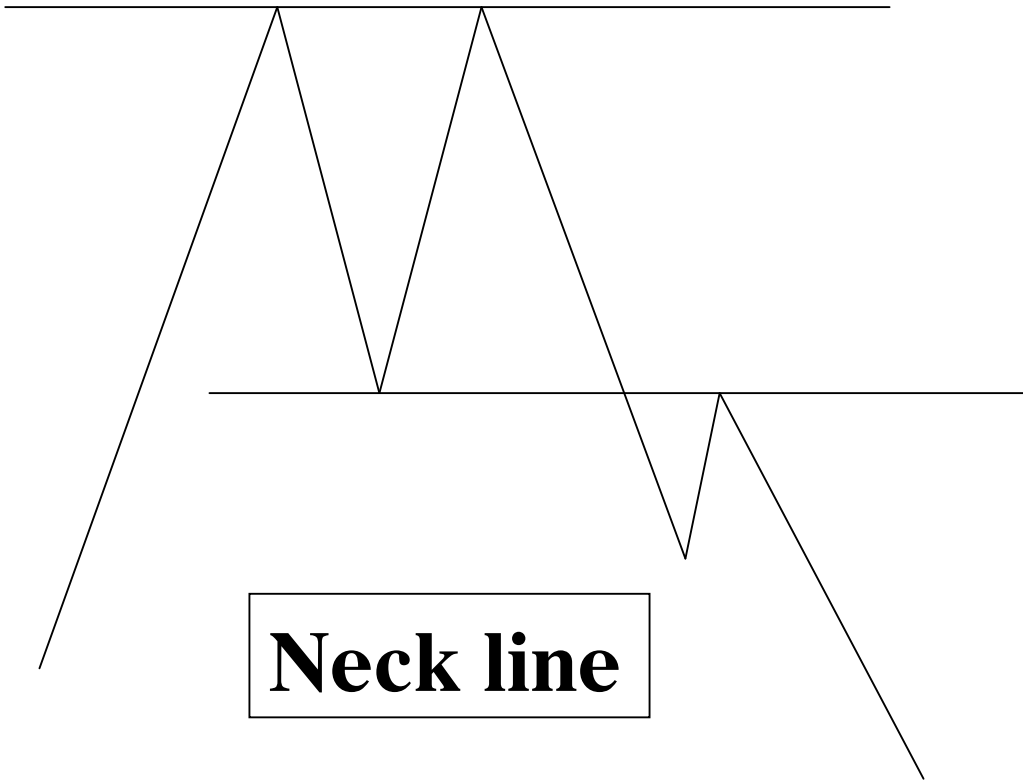


The diagram illustrates a neckline with three distinct peaks. A straight line, labeled 'Neck line', runs through the lowest points of these peaks. The two highest peaks are labeled 'Left shoulder' and 'Right shoulder' respectively. The line connecting the two highest peaks is also shown, sloping downwards from left to right.

Left shoulder

Right shoulder

Neck line



Neck line

